

Số: 687/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh
đối với các chuyên ngành đào tạo hệ đại học của Học viện Chính sách và Phát triển

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/07/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 658/QĐ-HVCSPT ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Học viện

Căn cứ Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Chính sách và Phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 619/QĐ-HVCSPT ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Học viện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Bộ môn Ngoại ngữ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với các ngành, chuyên ngành đào tạo hệ đại học của Học viện Chính sách và Phát triển như sau:

Hệ	Yêu cầu chuẩn	Thời gian áp dụng
Hệ chuẩn (Đại trà)	450 TOEIC quốc tế hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương: - 450 TOEFL ITP - 45 TOEFL iBT - 4.5 IELTS - 140 Cambridge ESOL	Áp dụng từ khóa 5 (Niên khóa 2014 - 2018, tuyển sinh 2014) trở lại đây.
Hệ chất lượng cao	600 TOEIC quốc tế hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương: - 500 TOEFL ITP - 61 TOEFL iBT - 5.5 IELTS	Áp dụng cho khóa 5, 6 (Niên khóa 2014 - 2018 và 2015 - 2019).
	5.5 IELTS quốc tế hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế 4 kỹ năng tương đương: - 500 TOEFL ITP - 61 TOEFL iBT - 160 Cambridge ESOL	Áp dụng từ khóa 7 (Niên khóa 2016 - 2020, tuyển sinh 2016) trở lại đây.

Điều 2. Sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đủ điều kiện sẽ được công nhận chuẩn đầu ra Tiếng Anh đồng thời với công nhận quy đổi điểm theo quy định.

Điều 3. Đối với sinh viên năm thứ 5 trở lên chưa đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh thì được áp dụng bài thi năng lực ngoại ngữ 4 kỹ năng do Học viện Chính sách và Phát triển tổ chức - tương đương trình độ B1 (Phụ lục 1) với hệ đại học chuẩn (Hệ đại trà) và tương đương trình độ B2 (Phụ lục 2) với chương trình chất lượng cao. Bài thi này chỉ áp dụng cho sinh viên Học viện Chính sách và Phát triển để xét điều kiện tốt nghiệp ra trường.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 138/QĐ-HVCSPT ngày 27/02/2020 của Giám đốc Học viện. Trường Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Bộ môn Ngoại ngữ, Trưởng các Khoa chuyên ngành và các sinh viên thuộc Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Giám đốc Học viện;
- Website Học viện;
- Lưu: P. TCHC, P. QLĐT, BMNN.



GIÁM ĐỐC

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

PHỤ LỤC 1:

DẠNG THỨC ĐỀ THI TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ B1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6.8.7/QĐ-HVCSPT ngày 17/9/2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)



I. Đề thi gồm 4 bài thi cho 4 kỹ năng, tổng thời gian 135 phút.

STT	Bài thi	Phần	Mô tả	Số câu/mục	Điểm
1	Nghe	1	Có thể lựa chọn nghe 5 đoạn hội thoại ngắn rồi đánh dấu vào 5 bức tranh/ hình ảnh đúng, mỗi hội thoại có 4 - 6 lần đổi vai; hoặc nghe một đoạn hội thoại dài để chọn 5 câu Đúng hoặc Sai với nội dung; hoặc nghe một đoạn độc thoại ngắn rồi đánh dấu vào 5 đồ vật/ sự việc.	05	10
		2	Nghe một đoạn hội thoại hay độc thoại. Điền vào 10 chi tiết bỏ trống trong bài. Chỗ trống thường là thông tin quan trọng.	10	10
TỔNG (Bài nghe)				15	20
2	Đọc	1	Đọc 10 câu độc lập mỗi câu có một từ bỏ trống, chọn 1 từ đúng trong 4 từ cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD) để điền vào chỗ trống. Các chỗ trống này cho phép kiểm tra kiến thức ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa và kiến thức văn hóa, xã hội.	10	10
		2	Đọc 5 biển quảng cáo, bảng báo hiệu thường gặp trong đời sống hàng ngày (dạng hình ảnh không có chữ hoặc có ít chữ) hoặc thông báo ngắn, sau đó chọn một câu trả lời đúng trong những câu cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD)	05	05
		3	Đọc một bài khoảng 200 - 250 từ, chọn các câu trả lời Đúng hoặc Sai hoặc lựa chọn câu trả lời đúng trong 4 khả năng A, B, C, D. Bài đọc có thể lấy từ báo, tạp chí dễ hiểu, dạng phổ biến kiến thức, thường thấy trong đời sống hàng ngày.	05	05
		4	Làm bài đọc điền từ (Cloze test), dạng bỏ từ thứ 7 trong văn bản. Lưu ý: chỉ bỏ ô trống bắt đầu từ câu thứ 3, câu thứ 1 và thứ 2 giữ nguyên để thí sinh làm quen với ngữ cảnh. Bài đọc này dài khoảng 150 từ trong đó có 10 từ bỏ trống. Chọn trong số 15 từ cho sẵn các từ phù hợp để điền vào chỗ trống.	10	10
TỔNG (Bài đọc)				30	30
3	Viết	1	Cho sẵn 5 câu, viết lại các câu đó với những cách diễn đạt khác đã được gợi ý bằng 1-2 từ sao cho ý nghĩa các câu đó	05	10

			không thay đổi.		
		2	Viết một bài viết ngắn khoảng 100 -120 từ. Đây là dạng bài viết có nội dung liên quan đến đời sống hàng ngày, thường là viết dựa trên một tài liệu gợi ý cho sẵn. Một số dạng bài thường dùng: viết một lá đơn xin việc sau khi đọc một quảng cáo việc làm; viết một lá thư mời hay thư phản nản về một sản phẩm hoặc dịch vụ sau khi đã mua hàng hoặc dùng dịch vụ theo một quảng cáo; điền vào một mẫu tờ khai trong đó có 2 đoạn, mỗi đoạn dài khoảng 4 - 5 dòng; viết 2 - 3 lời nhắn qua email, mỗi lời nhắn dài khoảng 4 - 5 dòng; viết thư trả lời để cảm ơn, xin lỗi, giải thích một sự việc hay dẫn dò, đưa lời khuyên cho ai đó; viết một câu chuyện đã có sẵn câu mở đầu và câu kết thúc...	01	20
TỔNG (Bài viết)				02	30
4	Nói	1	Giáo viên hỏi thí sinh một số câu về tiểu sử bản thân để đánh giá khả năng giao tiếp xã hội của thí sinh.		04
		2	Thí sinh trình bày chủ đề đã bốc thăm.		08
		3	Giáo viên và thí sinh hội thoại mở rộng thêm về những vấn đề có liên quan đến chủ đề vừa trình bày. Trong phần hội thoại, giáo viên đặt các câu hỏi phản bác hoặc thăm dò ý kiến, thí sinh phải trình bày được quan điểm và đưa ra lý lẽ để bảo vệ quan điểm của mình.		08
TỔNG (Bài nói)				03	20
TỔNG (ĐỀ THI)					100

II. Đánh giá

- Tổng điểm của bài thi là 100 điểm.
- Thí sinh đạt tổng số 50,0 điểm, điểm mỗi phần thi không dưới 30% là đạt yêu cầu.

m

PHỤ LỤC 2:**DẠNG THỨC ĐỀ THI TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ B2**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6.87/QĐ-HVCSPT ngày 07/09/2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

I. Đề thi gồm 4 bài thi cho 4 kỹ năng, tổng thời gian 160 phút.

STT	Bài thi	Phần	Mô tả	Số câu/ mục	Điểm
1	NGHE	1	Chọn đáp án đúng Có 05 đoạn ghi âm, mỗi đoạn có 1 câu hỏi và 3 bức tranh. Học sinh nghe và chọn bức tranh đúng. Thực hành: nghe lấy thông tin chính	05	5.0
		2	Chọn đáp án đúng Nghe một đoạn độc thoại hoặc một bài phỏng vấn và chọn đáp án đúng nhất trong 3 lựa chọn A, B, C Thực hành: nghe tìm thông tin chi tiết	05	5.0
		3	Điền vào chỗ trống Một đoạn ghi âm (1 người nói) bị lấy đi một số thông tin. Thí sinh nghe và điền thông tin còn thiếu. Thực hành: nghe điền thông tin	10	10
TỔNG (Bài Nghe)				20	20
2	ĐỌC	1	Chọn đáp án đúng Gồm 5 đoạn ngắn chứa các thông tin trên biển báo, tin nhắn, thiệp, nhãn mác... và 3 lựa chọn trả lời. Thí sinh đọc và chọn đáp án (A, B, C) chứa thông tin đúng nhất. Thực hành: kỹ năng đọc hiểu ý chính.	05	5.0
		2	Sắp xếp đoạn văn Gồm nhiều đoạn văn chưa được sắp xếp theo thứ tự. Thí sinh đọc và sắp xếp thành bài văn. Thực hành: kỹ năng đọc hiểu ý chính.	05	5.0
		3	Chọn đáp án đúng Gồm 1 đoạn văn và 5 câu hỏi câu đọc hiểu trắc nghiệm gồm 4 lựa chọn A, B, C, D. Thí sinh đọc và chọn đáp án đúng nhất. Thực hành: kỹ năng đọc hiểu, tìm thông tin chi tiết.	05	5.0
		4	Chọn đáp án đúng điền vào chỗ trống Gồm 1 bài đọc và 15 chỗ trống được đánh số thứ tự. Mỗi chỗ trống tương đương với 1 từ còn thiếu. Mỗi chỗ trống tương ứng với 4 lựa chọn. Học sinh đọc và chọn 1 trong 4 đáp án để điền vào chỗ trống.	15	15

			Thực hành: hiểu từ vựng và ngữ pháp		
			TỔNG (Bài Đọc)	30	30
3	VIẾT	1	Thí sinh viết một bức thư cho bạn bè, người thân dựa vào những gợi ý cho trước. Thực hành: viết thư và câu chuyện	01	15
		2	Thí sinh viết đoạn văn ngắn khoảng 150 từ dựa vào chủ đề cho trước.	01	15
			TỔNG (Bài Viết)	2	30
4	NÓI	1	Giáo viên hỏi thí sinh một số câu về tiểu sử bản thân để đánh giá khả năng giao tiếp xã hội của thí sinh.		4.0
		2	Thí sinh bốc thăm 1 trong số chủ đề nói của trình độ B2		8.0
		3	Giáo viên và thí sinh hội thoại mở rộng thêm về những vấn đề có liên quan đến chủ đề vừa trình bày. Trong phần hội thoại, giáo viên đặt các câu hỏi phản bác hoặc thăm dò ý kiến, thí sinh phải trình bày được quan điểm và đưa ra lý lẽ để bảo vệ quan điểm của mình.		8.0
			TỔNG (Bài Nói)	3	20
			TỔNG ĐỀ THI		100

II. Đánh giá

3. Tổng điểm của bài thi là 100 điểm.

4. Thí sinh đạt tổng số 50,0 điểm, điểm mỗi phần thi không dưới 30% là đạt yêu cầu.